

CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS U&I /
U&I LOGISTICS
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 01/2026/BCQT-UNIOLOG
No: 01/2026/BCQT-UNIOLOG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, January 30th, 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Năm 2025 / Year 2025)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

To: - The State Securities Commission;

- Tên công ty/Name of company: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I / U&I LOGISTICS CORPORATION**

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: **Số 158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. / No. 158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.**

- Điện thoại/Telephone: 0274 3822908 Fax: Email: info@unilogistics.vn

- Vốn điều lệ/Charter capital: **720.000.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tỷ đồng). / VND 720,000,000,000 (Seven hundred twenty billion Viet Nam Dong).**

- Mã chứng khoán/Stock symbol: Chưa có/None

- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện/ Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2025/NQ- ĐHĐCĐ.UNIOLOG	21/06/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung: / The resolution adopts the following contents:

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision</i> No.	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2025 của Ban điều hành Công ty/ <i>Report on business performance in 2024 and plan for 2025 by the Company's Executive Board</i>; 2. Báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị và định hướng hoạt động năm 2025/ <i>Report on Activity of the Board of Director in 2024 and Operational Plan in 2025</i>; 3. Báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát/ <i>Report on the activities of the Supervisory Board in 2024</i>; 4. Báo cáo Tài chính 2024 đã được kiểm toán / <i>The 2024 Financial Report has been audited</i>; 5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch trích lập các quỹ năm 2025 / <i>Profit distribution plan for 2024 and fund allocation plan for 2025</i>; 6. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Mai Ngọc Hảo theo đơn từ nhiệm / <i>Ms. Mai Ngoc Hao has been relieved of her duties as a member of the Board of Directors following her resignation</i> ; 7. Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025/ <i>Remuneration levels for the Board of Directors and Supervisory Board in 2025</i>; 8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đáp ứng tiêu thức theo đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính trong năm 2025/ <i>Authorize the Board of Directors to decide on</i>



Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision</i> No.	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			<i>the selection of an independent auditing firm based on the criteria proposed by the Supervisory Board to conduct the audit and review of the financial statements for the year 2025.</i>
2	02/2025/NQ- ĐHĐCĐ.UNILOG	12/08/2025	Thông qua đầu tư Dự án Trung tâm Dịch vụ vận tải và kho bãi U&I - Cái Mép tại Lô GT02 thuộc KCN Cái Mép. / <i>Approving on investment the project of U&I Transport and Warehousing Service Center - Cai Mep at Lot GT02 in Cai Mep Industrial Park.</i>
3	002/2025/NQ- ĐHĐCĐ.UNILOG	15/11/2025	Thông qua đầu tư Dự án Xây dựng nhà xưởng gia công cơ khí và nhà xưởng, kho cho thuê tại Lô 26 thuộc KCN Cái Mép / <i>Approving on investment the project to build a mechanical processing factory and a factory/warehouse for lease at Lot 26 in Cai Mep Industrial Park.</i>

II. Hội đồng quản trị (năm 2025)/ *Board of Directors (Year 2025):*

- Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) / *Information about the members of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board</i> <i>of Directors'</i> <i>members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i> <i>(thành viên HĐQT</i> <i>độc lập, TVHĐQT</i> <i>không điều hành))</i> <i>Independent</i> <i>members of the</i> <i>Board of Directors,</i> <i>Non-executive</i> <i>members of the</i> <i>Board of Directors))</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of</i> <i>the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Mai Hữu Tín / <i>Mr. Mai</i> <i>Huu Tin</i>	Chủ tịch HĐQT / <i>The President of the</i> <i>Board of Directors</i>	06/10/2021	

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
2	Ông Nguyễn Xuân Phúc / Mr. Nguyen Xuan Phuc	Phó Chủ tịch HĐQT / The vice President of the Board of Directors	06/10/2021	
3	Ông Lương Duy Hoài / Mr. Luong Duy Hoai	Thành viên HĐQT độc lập / Independent members of the Board of Directors	06/10/2021	
4	Bà Mai Ngọc Hào / Ms. Mai Ngoc Hao	TVHĐQT không điều hành / Non- executive members of the Board of Directors	28/03/2024	21/06/2025

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông Mai Hữu Tín / Mr. Mai Huu Tin	14/14	100%	
2	Ông Nguyễn Xuân Phúc / Mr. Nguyen Xuan Phuc	14/14	100%	
3	Ông Lương Duy Hoài / Mr. Luong Duy Hoai	14/14	100%	

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director'</i> <i>member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
4	Bà Mai Ngọc Hào / <i>Ms. Mai Ngoc Hao</i>	6/14	50%	Không còn là TV HĐQT từ 21/6/2025 / <i>Ceasing to be the member of the BOD from June 21st 2025</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

- Hội đồng quản trị luôn thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ được giao, chủ động cùng Ban Giám đốc trong công tác điều hành mọi hoạt động của Công ty nhằm đạt mục tiêu hoàn thành kế hoạch mà Đại hội cổ đông đã phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của doanh nghiệp, của Nhà nước và pháp luật hiện hành./ *The Board of Directors always fully performs assigned functions and tasks and proactively cooperates with the Board of Directors in managing all activities of the Company, aiming to complete the production and business plan that the General Meeting of Shareholders has set, ensuring compliance with business and state regulations and current laws.*

- Ban hành các Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT, giám sát và đảm bảo các hoạt động của Công ty được Ban Giám đốc điều hành hiệu quả, an toàn, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty./ *Issuing Resolutions, Decision within the authority of the Board of Directors; supervising and ensuring that the Company's operations are managed effectively, safely, and in compliance with the law and the Company's Charter.*

- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty các chủ trương lớn, định hướng quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT / *Directing the Company's Executive Board on major policies and important directions within the Board of Directors' authority.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):* HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc / *The Board of Directors does not establish subordinate committees.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025) /*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Year 2025):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	01/2025/NQ-HĐQT	10/01/2025	Giao dịch tín dụng với NH Techcombank / <i>Credit transactions with Techcombank.</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
2	01/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	15/04/2025	Điều chỉnh Dự án Xây dựng nhà xưởng gia công cơ khí và nhà xưởng, kho cho thuê / <i>Adjustment the Project for the Construction of Mechanical Processing Workshops and Workshops/Warehouses for Lease</i>	100%
3	02/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	28/04/2025	Gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 / <i>Extending the date for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
4	03/2025/NQ-HĐQT	14/05/2025	Giải thể Công ty thành viên Unitrans miền Bắc / <i>Dissolution of subsidiary company (Unitrans Northen).</i>	100%
5	03/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	22/05/2025	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 và chốt danh sách cổ đông tham dự / <i>Organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and finalize the list of shareholders to attend.</i>	100%
6	04/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	30/05/2025	Thông qua nội dung và danh mục tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 / <i>Approval of the agenda and document list for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%



Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
7	05/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	10/07/2025	Điều chỉnh sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty / <i>Adjusting the Company's organizational structure chart.</i>	100%
8	06/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	11/07/2025	Đầu tư lô đất 02GT 7.5ha tại Cái Mép / <i>Investing in the plot of Land 02GT 7.5-hectare in Cai Mep.</i>	100%
9	08/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	15/07/2025	Tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường thông qua Dự án Trung tâm Dịch vụ vận tải và kho bãi U&I - Cái Mép tại Lô GT02 thuộc KCN Cái Mép. / <i>Convening an extraordinary general meeting of shareholders to approve the project of U&I Transport and Warehousing Service Center - Cai Mep at Lot GT02 in Cai Mep Industrial Park.</i>	100%
10	09/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	18/08/2025	Giao dịch phát hành bảo lãnh tại Techcom đầu tư Dự án Trung tâm Dịch vụ vận tải và kho bãi U&I - Cái Mép / <i>Transaction with Techcombank for issuance a guarantee for the project of U&I Transport and Warehousing Service Center - Cai Mep</i>	

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
11	10/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	15/10/2025	Đầu tư lô đất 26CN tại KCN Cái Mép / <i>Investing in a land plot no. 26CN in Cai Mep IP.</i>	100%
12	10.1/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	15/10/2025	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thông qua dự án Xây dựng nhà xưởng gia công cơ khí và nhà xưởng, kho cho thuê tại lô 26CN KCN Cái Mép / <i>Convening an extraordinary general meeting of shareholders to approve the project for constructing a mechanical processing factory and a factory/warehouse for lease at plot 26CN in Cai Mep IP.</i>	100%
13	11/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	15/11/2025	Giao dịch phát hành bảo lãnh tại Techcom đầu tư dự án tại Cái Mép / <i>Transaction with Techcombank for issuance a guarantee for a project in Cai Mep.</i>	100%
14	12/2025/NQ-HĐQT.UNILOG	26/12/2025	Thông qua chủ trương tham gia Đề án Logistics Lạng Sơn / <i>Approving the policy of participating in the Lang Son Logistics Project.</i>	100%
15	01/2025/QĐ-HĐQT.UNILOG	10/11/2025	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty / <i>Designate the person in charge of company administration</i>	100%

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm 2025)/Board of Supervisors/Audit Committee (Year 2025 report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền / <i>Ms. Doan Thuy Diem Huyen</i>	Trưởng ban kiểm soát/ <i>The chief of Board of Supervisors</i>	06/10/2021	Cử nhân Kinh tế / <i>Bachelor of Economics</i>
2	Ông Trương Phúc Khải / <i>Mr. Truong Phuc Khai</i>	Thành viên ban kiểm soát / <i>Member of Board of Supervisors</i>	06/10/2021	Cử nhân Kinh tế / <i>Bachelor of Economics</i>
3	Bà Nguyễn Thị Kim Linh / <i>Ms. Nguyen Thi Kim Linh</i>	Thành viên ban kiểm soát / <i>Member of Board of Supervisors</i>	01/02/2024	Thạc sỹ Kế toán / <i>Master of Accounting</i>

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
------------	--	--	--	---	---

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền / <i>Ms. Doan Thuy Diem Huyen</i>	2/2	100%	100%	
2	Ông Trương Phúc Khải / <i>Mr. Truong Phuc Khai</i>	2/2	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Linh / <i>Ms. Nguyen Thi Kim Linh</i>	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

- Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và thông qua các báo cáo tình hình tài chính hàng quý, năm của Công ty./ *The Supervisory Board performs the function of supervising the management and operation of the Board of Directors and the Management Board, as well as the business activities of the Company, by attending and contributing opinions at meetings of the Board of Directors, supervising the process of obtaining written opinions from members of the Board of Directors, and reviewing the Company's quarterly and annual financial reports.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. / *The Supervisory Board has closely coordinated with the Board of Directors and Board of Directors in carrying out assigned functions and tasks.*

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty/ *The Board of Directors and Board of Directors have created favorable conditions for the Board of Supervisors to perform inspection and supervision tasks, participate in meetings of the Board of Directors and be provided with full information. Information related to the company's production and business activities.*

- Ban kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các Quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình / *The Board of Supervisors complies with the decisions and directions of the General Meeting of Shareholders and complies with current legal regulations. In controlling and coordinating with the Board of Directors, The Director and the Board of Supervisors always respect the rights and responsibilities of the Board of Directors. Do not participate in voting or deciding on contents that do not fall under the authority of the Board of Supervisors, and fully comply with the provisions of law when implementing its activities.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any): Không có/ None*

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
1	Ông NGUYỄN XUÂN PHÚC / <i>Mr. NGUYEN XUAN PHUC</i> Chức danh: Tổng Giám đốc / <i>Position: General Director</i>	29/03/1971	Cử nhân Khoa học ngành Quản trị Kinh doanh / <i>Bachelor of Science in Business Administration</i>	01/10/2020

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
--------------------------	---	---	--

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Bà ĐOÀN KIM PHÚC / Ms. DOAN KIM PHUC	18/01/1982	Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán / <i>Bachelor of Economics - Specialization in Accounting and Auditing</i>	01/06/2023

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Không phát sinh do Công ty được xác nhận trở thành công ty đại chúng từ ngày 26/01/2026. Trong năm 2026, Công ty sẽ cử các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *No additional issues arose as the Company was officially recognized as a public company from January 26, 2026. In 2026, the Company will appoint members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Board of General Directors, other key management personnel, and the Company Secretary to participate in corporate governance training programs in accordance with applicable regulations.*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Year 2025 report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company:*
Chi tiết theo Phụ lục số 1 đính kèm/ *Details are in Appendix 1 attached to this Report*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Chi tiết theo **Phụ lục số 2** đính kèm/ *Details are in Appendix 1 attached to this Report .*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt <i>N o.</i>	Người thực hiện giao dịch <i>Transacti on executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relations hip with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Posittio n at the listed Compa ny</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiar ies or</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transacti on</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transacti on</i>	Ghi chú <i>Not e</i>
--------------------	---	--	--	--	---------------------------	---	--	--	-------------------------

						<i>companies which the Company control</i>			
1	Ông Nguyễn Xuân Phúc / Mr. Nguyen Xuan Phuc		Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD / Vice Chairman of the Board of Directors and General Director	- CCCD số/ Citizen ID No. : 038071039185 - Ngày cấp / Date of issue: 09/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH / Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh/ No. 8, D4 Street, Phu Hoa 1 Residential Area, Group 2, Ward 7, Phu Loi Commune, Ho Chi Minh City	Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc / Logistics Northern Joint Stock Company	Trong năm 2025 In 2025	Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc trả tiền mượn cho ông Nguyễn Xuân Phúc: 300.000.000 đ / U&I Logistics Northern Joint Stock Company pays the loan to Mr. Nguyen Xuan Phuc the amount of: 300,000,000 VND	



4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

Mục 4.1, 4.2 và 4.3: Chỉ có các giao dịch nêu tại Mục VII.2 ở trên/ *Sections 4.1, 4.2 and 4.3: Only transactions mentioned in Section VII.2 above apply.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Year 2025 report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ / *The list of internal persons and their affiliated persons*: Chi tiết theo **Phụ lục số 3** đính kèm / *Details are in Appendix 3 attached to this Report*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Đoàn Thụy Diễm Huyền – Người nội bộ / <i>Doan Thuy Diem Huyen – internal person</i>		2.716.730	3,77%	3.178.492	4,415%	- Bán 38.238 cổ phiếu / <i>Selling 38,238 shares</i> - Mua 500.000 cổ phiếu / <i>Buying 500,000 shares</i>
2	Cao Trung Kiên / <i>Cao Trung Kien</i>	Em của Cao Thu Yến - Người phụ trách Quản trị Công ty / <i>Younger brother of Cao Thu Yen – The person in charge of company administration</i>	2.340	0,0033%	12.340	0,017%	- Tăng do mua thêm 10.000 cổ phiếu / <i>Increasing by buying 10,000 shares</i>

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không có/*none*.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như kính gửi/*As above*;
- Lưu: VT / *Archived: Office*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

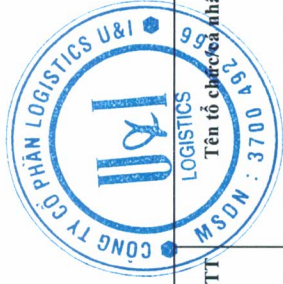
(*Sign, full name and seal*)



MAI HỮU TÍN

MAI HUU TIN





PHỤ LỤC 1 / APPENDIX 1
Danh sách về người có liên quan của công ty / The list of affiliated persons of the Company

STT	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No.	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No. *, date of issue, place of issue	Address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1		Chủ tịch HĐQT	- CCCD số: 074069000209 - Ngày cấp: 22/02/2021 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No.: 074069000209	254/2, Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh	26/01/2026			Người nội bộ
1		President of BOD	- Date of issue: 22-02-2021 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	No. 254/2, Thích Quảng Đức, Thủ Dầu Một Ward, Ho Chi Minh City	26-01/2026			Internal Person
2		Phó Chủ tịch HĐQT	- CCCD số: 038071039185 - Ngày cấp: 09/08/2021 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No.: 038071039185	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh	26/01/2026			Người nội bộ
2		Vice President of BOD	- Date of issue: 09-08-2021 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	No. 8, D4 Street, Phu Hoa 1 Residential Area, Group 2, Ward 7, Phu Loi Commune, Ho Chi Minh City	26-01/2026			Internal Person
3		Thành viên HĐQT độc lập	- CCCD số: 066088000304 - Ngày cấp: 02/10/2020 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No.: 066088000304	Riverside Residence - P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.	26/01/2026			Người nội bộ
3		Independent members of the Board of Directors	- Date of issue: 02-10-2020 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	iverside Residence - P5, Block 27, Tan My Ward, Ho Chi Minh City	26-01/2026			Internal Person
4		Trưởng ban kiểm soát	- CCCD số: 074180008782 - Ngày cấp: 19/08/2022 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No.: 074180008782	C234/22, Tổ 22, khu 3 Chánh Nghĩa, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	26/01/2026			Người nội bộ
4		The chief of Board of Supervisors	- Date of issue: 19-08-2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	C234/22, Group 22, Zone 3 Chanh Nghia, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	26-01/2026			Internal Person
5		Thành viên ban kiểm soát	- CCCD số: 075078010273 - Ngày cấp: 08/09/2022 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No.: 075078010273	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhơn, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	26/01/2026			Người nội bộ
5		Member of Board of Supervisors	- Date of issue: 08-09-2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	354, Group 2, National Highway 1, Hung Nhon Hamlet, Dau Giay Commune, Dong Nai Province	26-01/2026			Internal Person
6		Thành viên ban kiểm soát	- CCCD số: 074184006982 - Ngày cấp: 15/09/2023 - Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH	Số 20/19, ĐX09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	26/01/2026			Người nội bộ

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
6	Ms. Nguyễn Thị Kim Linh		Member of Board of Supervisors	- Citizen Identity Card No. : 074184006982 - Date of issue: 15/09/2023 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	No. 20/19, DX09, Group 43, Phu My 8 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			Internal Person
7	Bà Đoàn Kim Phúc		Kế toán trưởng	- CCCD số : 074182009282 - Ngày cấp: 25/01/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No. : 074182009282 - Date of issue: 25/01/2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.	26/01/2026			Người nội bộ
7	Ms. Doan Kim Phúc		Chief Accountant	- CCCD số: 074177005925 - Ngày cấp: 12/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No. : 074177005925 - Date of issue: 12/09/2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Zone 3, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			Internal Person
8	Bà Cao Thu Yến		Người phụ trách quản trị Công ty	- CCCD số: 074177005925 - Ngày cấp: 12/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No. : 074177005925 - Date of issue: 12/09/2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	Số 07 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	26/01/2026			Người nội bộ
8	Ms. Cao Thu Yen		The person in charge of company administration	- CCCD số: 074177005925 - Ngày cấp: 12/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No. : 074177005925 - Date of issue: 12/09/2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	No. 07, 13A Street, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			Internal Person
9	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I			- GCN ĐKDN số: 3700501180 - Ngày cấp: 15/4/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700501180 - Date of issue: 15/4/2003 - Place of issue: Department of Binh Duong Province (currently the Department of Finance of Ho Chi Minh City)	Số 158 Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	26/01/2026			Tổ chức sở hữu 21.115.812 cổ phiếu, chiếm 29,33% Vốn điều lệ. The organization owns 21,115,812 shares, representing 29.33% of the charter capital.
9	U&I Investment Corporation			- CCCD số: 035060001054 - Ngày cấp: 17/12/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identity Card No. : 035060001054 - Date of issue: 17/12/2022 - Place of issue: The Department of Administrative Management of Social Order	158 Ngõ Gia Tư Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			Cá nhân sở hữu 8.000.000 cổ phiếu, chiếm 11,11% Vốn điều lệ The individual owns 8,000,000 shares, representing 11.11% of the charter capital.
10	Ông Nguyễn Thanh Tâm			- GCN ĐKDN số: 3700970866 - Ngày cấp: 21/8/2008 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	189B2 Nguyễn Văn Hưởng, Khu phố 13, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	26/01/2026			Công ty con - U&I Logistics sở hữu 91,05%
10	Mr. Nguyen Thanh Tam			- GCN ĐKDN số: 3700970866 - Ngày cấp: 21/8/2008 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	189B2 Nguyen Van Huong Street, Ward 13, An Khanh Commune, Ho Chi Minh City	26/01/2026			
11	Công ty Cổ phần Văn tài U&I				Số 158 Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	26/01/2026			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
11	U&I Transport Corporation			- Business Registration Certificate No.: 3700970866 - Date of issue: 21/8/2008 - Place of issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (currently the Department of Finance of Ho Chi Minh City)	158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			A subsidiary in which U&I Logistics holds 91.05% ownership stake.
12	Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa – Cao su			- GCNĐKDN số: 0301466436 - Ngày cấp: 26/07/2004 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Tp HCM) - Business Registration Certificate No.: 0301466436 - Date of issue: 26/07/2004 - Place of issue: Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (currently the Department of Finance of Ho Chi Minh City)	Số 45 đường số 11, Khu phố 04, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.	26/01/2026			Công ty con - U&I Logistics sở hữu 93,62%
12	Rubber- Goods Service and Transport - Warehouse Joint Stock Company			- GCNĐKDN số: 3702292817 - Ngày cấp: 12/08/2014 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp HCM) - Business Registration Certificate No.: 3702292817 - Date of issue: 12/08/2014 - Place of issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (currently the Department of Finance of Ho Chi Minh City)	No. 45, Street No. 11, Quarter 4, Linh Xuan Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			A subsidiary in which U&I Logistics holds 93.62% ownership stake.
13	Công ty Cổ phần Kho Hàng hóa U&I			- GCNĐKDN số: 0108156122 - Ngày cấp: 01/02/2018 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) - Business Registration Certificate No.: 0108156122 - Date of issue: 01/02/2018 - Place of issue: Department of Planning and Investment of Ha Noi City (currently the Department of Finance of Ha Noi City)	Số 158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	26/01/2026			Công ty con - U&I Logistics sở hữu 98%
13	U&I Warehousing Corporation			- GCNĐKDN số: 0302839190 - Ngày cấp: 08/01/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Tp HCM) - Business Registration Certificate No.: 0302839190 - Date of issue: 08/01/2003	158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			A subsidiary in which U&I Logistics holds 98% ownership stake.
14	Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc			- GCNĐKDN số: 0108156122 - Ngày cấp: 01/02/2018 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) - Business Registration Certificate No.: 0108156122 - Date of issue: 01/02/2018 - Place of issue: Department of Planning and Investment of Ha Noi City (currently the Department of Finance of Ha Noi City)	Phòng 1451M, toà nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.	26/01/2026			Công ty con - U&I Logistics sở hữu 55%
14	U&I Logistics - Northern Joint Stock Company			- GCNĐKDN số: 0302839190 - Ngày cấp: 08/01/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Tp HCM) - Business Registration Certificate No.: 0302839190 - Date of issue: 08/01/2003	PRoom 1451M, Hapro Building, 11B Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City	26/01/2026			A subsidiary in which U&I Logistics holds 55% ownership stake.
15	Công ty Cổ phần Lưới sợi Hùng Vương			- GCNĐKDN số: 0302839190 - Ngày cấp: 08/01/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Tp HCM) - Business Registration Certificate No.: 0302839190 - Date of issue: 08/01/2003	743/32 Hồng Bàng, Phường Bình Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	26/01/2026			Công ty liên kết - U&I Logistics sở hữu 28.09%

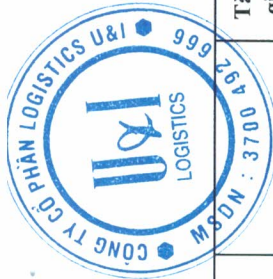
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No. *, date of issue, place of issue	Address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
15	Hung Vuong Fiber Net Joint Stock Company			- Place of issue: Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (currently the Department of Finance of Ho Chi Minh City) - Ngày cấp: 02/02/2024 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) - Business Registration Certificate No.: 0110621987	743/32 Hong Bang Street, Binh Tay Ward, Ho Chi Minh City	26/01/2026			Affiliated company - U&I Logistics holds 28.09% ownership stake.
16	Công ty Cổ phần Gia Long Express			- GCNĐKDN số: 0110621987 - Ngày cấp: 02/02/2024 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) - Business Registration Certificate No.: 0110621987 - Date of issue: 02/02/2024 - Place of issue: Department of Planning and Investment of Ho Noi City (currently the Department of Finance of Ha Noi City)	Tòa Ford, 311-313 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	26/01/2026			Công ty liên kết - U&I Logistics sở hữu 30%
16	Gia Long Express Joint Stock Company				Ford Building, 311-313 Truong Chinh Street, Phuong Liet Ward, Hanoi City	26/01/2026			Affiliated company - U&I Logistics holds 30% ownership stake.



PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ / Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons

STT/ No.	Tên cá nhân/ tổ chức/ đơn vị Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1	Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I U&I Handicrafts Co., Ltd.	Công ty có cùng chủ đầu tư Companies with the same investor	GCN ĐKDN số 3700479009 do Sở Tài chính TP HCM cấp ngày 20/01/2003 Business Registration Certificate No. 3700479009 issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on January 20, 2003	Tòa nhà U&I, Số 158, Đường Ngõ Gia Tư, Phường Thủ Dầu Một, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam U&I Building, 158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Trong năm 2025 In 2025	Không có None	Chi hộ: 100.837.484 đồng Payments made on behalf of others: 100,837,484 VND	
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I U&I Agriculture Joint Stock Company	Công ty có cùng chủ đầu tư Companies with the same investor	GCN ĐKDN số 3701528386 do Sở Tài chính TP HCM cấp ngày 12/06/2009 Business Registration Certificate No. 3701528386 issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on June 12, 2009	Tòa nhà U&I, số 158, đường Ngõ Gia Tư, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam U&I Building, 158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Trong năm 2025 In 2025	Không có None	Chi hộ: 3.949.077 đồng Payments made on behalf of others: 3,949,077 VND	
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành Truong Thanh Wood Industry Group Joint Stock Company	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị Companies with the same Chairman of the Board of Directors	GCN ĐKDN số 3700530696 do Sở Tài chính TP HCM cấp ngày 17/10/2003 Business Registration Certificate No. 3700530696 issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on October 17, 2003	Đường ĐT 747, khu phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam DT 747 Road, Uyen Hung 7 Quarter, Tam Uyen Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Trong năm 2025 In 2025	Không có None	Chi hộ: 3.898.470.349 đồng Payments made on behalf of others: 3,898,470,349 VND	
4	Công ty Cổ phần Gia Long Express Gia Long Express Joint Stock Company	Công ty liên kết Affiliated companies	GCN ĐKDN số 0110621987 do Sở Tài chính TP Hà Nội cấp ngày 02/02/2024 Business Registration Certificate No. 0110621987 issued by the Hanoi Department of Finance on February 2, 2024	Tòa Ford, 311-313 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Ford Building, 311-313 Truong Chinh Street, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam	Trong năm 2025 In 2025	Không có None	Cước vận chuyển: 199.000.000 đồng Shipping costs: 199,000,000 VND	



PHỤ LỤC 3 / APPENDIX 3

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ /The list of internal persons and their affiliated persons

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
I	Mai Hữu Tín		Chủ tịch HĐQT	- CCCD số: 074069000209 - Ngày cấp: 22/02/2021 - Nơi cấp: Cục CS QL.HC về TTXH - Citizen ID No.: 074069000209 - Date of Issue: 22/02/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	254/2, Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0%	
I	Mai Huu Tin		Chairman of the Board of Directors		254/2, Thích Quang Duc, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0%	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I			- GCNĐKDN số: 3700501180 - Ngày cấp: 15/04/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700501180 - Date of Issue: 15/04/2003 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	21.115.812	29,330%	Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
I	U&I Investment Corporation				158 Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	21.115.812	29,330%	Mr. Mai Huu Tin is Chairman of the Board of Directors cum General Director
2	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trương Thành			- GCNĐKDN số: 3700530696 - Ngày cấp: 18/08/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700530696 - Date of Issue: 18/08/2003 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	Đường ĐT 747, Khu Phố 7, Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trương Thành
2	Truong Thanh Furniture Corporation				DT 747 Road, Quarter 7, Tan Uyen Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Mai Huu Tin is Chairman of the Board of Directors of Truong Thanh Furniture Corporation
3	Công ty Cổ phần Cao Su Phước Hòa			- GCNĐKDN số: 3700147532 - Ngày cấp: 03/03/2008 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Thửa đất số 374, Tờ bản đồ 17, ấp 2A, Xã Phước Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Mai Hữu Tín là Thành viên HĐQT độc lập

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
3	Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company			- Business Registration Certificate No.: 3700147532 - Date of Issue: 03/03/2008 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance) - GCNĐKDN số: 3700148166 - Ngày cấp: 26/11/1992 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700148166 - Date of Issue: 26/11/1992 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	Land Lot No. 374, Map Sheet 17, Hamlet 2A, Phuoc Hoa Commune, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Mai Huu Tin is an Independent Member of the Board of Directors
4	Tổng Công Ty SX – XNK Bình Dương – CTCP Binh Duong Producing and Trading Corporation			- GCNĐKDN số: 3700148166 - Ngày cấp: 26/11/1992 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700148166 - Date of Issue: 26/11/1992 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	A128, đường Ba Tháng Hai, Khu phố Đồng Từ, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh A128, Ba Thang Hai Street, Dong Tu Quarter, Lai Thieu Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Ông Mai Hữu Tin là Thành viên HĐQT TCT SX – XNK Bình Dương – CTCP Mr. Mai Huu Tin is a Member of the Board of Directors of Binh Duong Producing and Trading Corporation
5	Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I			- GCNĐKDN số: 3700479009 - Ngày cấp: 03/01/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700479009 - Date of Issue: 03/01/2003 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	Tòa nhà U&I, số 158, Ngõ Gia Từ, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh U&I Building, No. 158, Ngõ Gia Từ, Thủ Dầu Một Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Ông Mai Hữu Tin là HĐQT Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I Mr. Mai Huu Tin is a Member of the Members' Council of U&I Crafts Co.,Ltd
6	Từ Thị Bích Phương			- CCCD số: 079169016208 - Ngày cấp: 22/02/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 079169016208 - Date of Issue: 22/02/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	254/2 Thich Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh 254/2 Thich Quang Duc, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Vợ Wife
7	Mai Ngọc Nhân			- CCCD số: 074092000092 - Ngày cấp: 08/02/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	254/2 Thich Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con trai

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
7	Mai Ngọc Nhan			- ID Card No.: 074092000092 - Date of Issue: 08/02/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	234/2 Thích Quang Đức, phường Thủ Dầu Một, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Son
8	Mai Ngọc Hào			- CCCD số: 074194000103 - Ngày cấp: 08/02/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074194000103	254/2 Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con gái
8	Mai Ngọc Hao			- Date of Issue: 08/02/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	254/2 Thích Quang Đức, Thủ Dầu Một Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Daughter
9	Mai Hữu Mỹ			- CCCD số: 074065000547 - Ngày cấp: 29/03/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074065000547	561/194 Đại lộ Bình Dương tổ 17, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Anh trai
9	Mai Huu Mỹ			- Date of Issue: 29/03/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	561/194 Bình Duong Boulevard, Group 17, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Brother
10	Mai Hữu Trọng			- CCCD số: 074071000223 - Ngày cấp: 31/05/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074071000223	Số 111, Phan Đình Giót, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em trai
10	Mai Huu Trong			- Date of Issue: 31/05/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	No. 111, Phan Dinh Giot, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Younger Brother
11	Mai Thanh Tuyền			- CCCD số: 074175000257 - Ngày cấp: 26/02/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074175000257	4/14 Nguyễn Trãi, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	-	0,00%	Em gái
11	Mai Thanh Tuyen			- Date of Issue: 26/02/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	4/14 Nguyen Trai, Thủ Dầu Một Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Younger Sister
12	Vương Thị Kim Liên			- CCCD số: 074162000505 - Ngày cấp: 29/03/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	561/194 Đại lộ Bình Dương tổ 17, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Chị dâu

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
12	Vương Thị Kim Liên			- ID Card No.: 074162000505 - Date of Issue: 29/03/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	561/194 Binh Duong Boulevard, Group 17, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law
13	Trần Kim Thái			- CCCD số: 074174000274 - Ngày cấp: 26/02/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074174000274 - Date of Issue: 02/26/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 111, Phan Đình Giót, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	-	0,00%	Em dâu
13	Trần Kim Thái			- ID Card No.: 074174000274 - Date of Issue: 02/26/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	No. 111, Phan Dinh Giot, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law
14	Vũ Xuân Dương			- CCCD số: 074075007390 - Ngày cấp: 08/07/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074075007390 - Date of Issue: 08/07/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	382, Bùi Quốc Khánh, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em rể
14	Vũ Xuân Dương			- ID Card No.: 074075007390 - Date of Issue: 08/07/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	382, Bui Quoc Khanh, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Brother-in-law
II	Nguyễn Xuân Phúc		Phó Chủ tịch HĐQT kiểm TGD Vice Chairman of the Board of Directors and General Director	- CCCD số: 038071039185 - Ngày cấp: 09/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 038071039185 - Date of Issue: 09/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh	2.237.860	3,108%	
II	Nguyễn Xuân Phúc			- ID Card No.: 074075007390 - Date of Issue: 08/07/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	No. 8, D4 Street, Phu Hoa 1 Residential Area, Group 2, Quarter 7, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	2.237.860	3,108%	
I	Công ty Cổ phần Vận tải U&I			- GCNĐKDN số: 3700970866 - Ngày cấp: 21/08/2008 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	158 Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
1	U&I Corporation			- Business Registration Certificate No.: 3700970866 - Date of Issue: 21/08/2008 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance) - GCNĐKDN số: 3702292817 - Ngày cấp: 12/08/2014 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3702292817 - Date of Issue: 12/08/2014 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	158 Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Nguyen Xuan Phuc is the Chairman of the Board of Directors
2	Công ty Cổ phần Kho hàng hóa U&I				158 Ngo Gia Tu, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chi Minh	-	0,00%	Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT
2	U&I Warehousing Corporation				158 Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Nguyen Xuan Phuc is the Chairman of the Board of Directors
3	Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc			- GCNĐKDN số: 108156122 - Ngày cấp: 01/02/2018 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hà Nội - Business Registration Certificate No.: 108156122 - Date of Issue: 01/02/2018 - Place of Issue: Department of Planning and Investment (now Department of Finance) Hanoi City	Phòng 1451M, tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	-	0,00%	Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT
3	U&I Logistics Northern Joint Stock Company				Room 1451M, Hapro Building, 11B Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi City	-	0,00%	Mr. Nguyen Xuan Phuc is the Chairman of the Board of Directors
4	Công ty Cổ phần EZ Holding			- GCNĐKDN số: 318727407 - Ngày cấp: 22/10/2024 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hồ Chí Minh	Số 167/21 Đặng Thùy Trâm, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
4	EZ Holding Corporation			- Business Registration Certificate No.: 318727407 - Date of Issue: 22/10/2024 - Place of Issue: Department of Planning and Investment (now Department of Finance) Ho Chi Minh City	No. 167/21 Dang Thuy Tram, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Nguyen Xuan Phuc is the Chairman of the Board of Directors and Director
5	Phạm Thị Kim Anh			- CCCD số: 035173004068 - Ngày cấp: 11/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 035173004068 - Date of Issue: 11/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh No. 8, D4 Street, Phu Hoa 1 Residential Area, Group 2, Quarter 7, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	702.000 702.000	0,975% 0,975%	Vợ Wife
6	Nguyễn Thạch Thảo			- CCCD số: 074301001416 - Ngày cấp: 16/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074301001416 - Date of Issue: 16/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh No. 8, D4 Street, Phu Hoa 1 Residential Area, Group 2, Quarter 7, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Con Child
7	Nguyễn Phúc Bảo Kha			- CCCD số: 074205001870 - Ngày cấp: 08/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074205001870 - Date of Issue: 08/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh No. 8, D4 Street, Phu Hoa 1 Residential Area, Group 2, Quarter 7, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Con Child
8	Nguyễn Thị Hà			- CCCD số: 038167007911 - Ngày cấp: 08/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 038167007911 - Date of Issue: 08/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Thôn 3, xã Linh Toại, tỉnh Thanh Hóa Hamlet 3, Linh Toai Commune, Thanh Hoa Province	- -	0,00% 0,00%	Chị ruột Sister

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
No.	Full Name	Securities Trading Account (if any)	Position at the company (if any)	ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Address	Number of Shares Owned at End of Period	Shareholding Ratio at End of Period	Notes
III	Lương Duy Hoài		Thành viên độc lập HĐQT	- CCCD số: 066088000304 - Ngày cấp: 02/10/2020 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 066088000304 - Date of Issue: 02/10/2020 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0%	
III	Lương Duy Hoài		Independent Member of the Board of Directors		Riverside Residence – P5, Quarter 27, Tan My Ward, Ho Chi Minh City	-	0%	
1	Công ty CP Đầu tư Scommerce			- GCNĐKDN số: 312724449 - Ngày cấp: 04/04/2014 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hồ Chí Minh - Business Registration Certificate No.: 312724449 - Date of Issue: 04/04/2014 - Place of Issue: Department of Planning and Investment (now Department of Finance) Ho Chi Minh City	405/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Lương Duy Hoài là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
I	Scommerce Investment Corporation				405/15 Xo Viet Nghe Tinh, Binh Thanh Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Luong Duy Hoai is the Chairman of the Board of Directors and General Director
2	Công ty CP Dịch vụ Giao Hàng Nhanh			- GCNĐKDN số: 311907295 - Ngày cấp: 02/08/2018 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hồ Chí Minh - Business Registration Certificate No.: 311907295 - Date of Issue: 02/08/2018 - Place of Issue: Department of Planning and Investment (now Department of Finance) Ho Chi Minh City	405/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Lương Duy Hoài là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2	Express Delivery Services Corporation				405/15 Xo Viet Nghe Tinh, Binh Thanh Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Luong Duy Hoai is the Chairman of the Board of Directors and General Director
3	Công ty CP Dịch vụ tức thời (Ahamove)			- GCNĐKDN số: 313506115 - Ngày cấp: 26/10/2015 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hồ Chí Minh	405/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ông Lương Duy Hoài là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
3	Túc Thoi Service Corporation (Ahamove)			- Business Registration Certificate No.: 313506115 - Date of Issue: 26/10/2015 - Place of Issue: Department of Planning and Investment (now Department of Finance) Ho Chi Minh City	405/15 Xo Viet Nghe Tinh, Binh Thanh Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mr. Luong Duy Hoai is the Chairman of the Board of Directors.
4	Lương Nhật Minh			- Hộ chiếu số: C8942668 - Ngày cấp: 03/03/2020 - Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.	-	0,00%	Con trai
4	Lương Nhật Minh			- Passport No.: C8942668 - Date of Issue: 03/03/2020 - Place of Issue: Immigration Department	Riverside Residence – P5, Quarter 27, Tan My Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Son
5	Lương Bảo Khôi			- Hộ chiếu số: P00380540 - Ngày cấp: 12/08/2022 - Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con trai
5	Lương Bảo Khôi			- Passport No.: P00380540 - Date of Issue: 12/08/2022 - Place of Issue: Immigration Department	Riverside Residence – P5, Quarter 27, Tan My Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Son
6	Đỗ Thị Anh Thư			- CCCD số: 066189000524 - Ngày cấp: 09/06/2020 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Vợ
6	Do Thị Anh Thư			- Citizen ID No.: 066189000524 - Date of Issue: 09/06/2020 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	Riverside Residence – P5, Quarter 27, Tan My Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Wife
7	Lương Minh Hiếu			- CCCD số: 066067000198 - Ngày cấp: 30/03/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Raymondienne, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Cha
7	Lương Minh Hiếu			- Citizen ID No.: 066067000198 - Date of Issue: 30/03/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	Raymondienne, Phu My Hung Urban Area, Tan My, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Father
8	Nguyễn Thị Kim Liên			- CCCD số: 095066000246 - Ngày cấp: 10/07/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Raymondienne, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Mẹ

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
8	Nguyễn Thị Kim Lien			- Citizen ID No.: 095066000246 - Date of Issue: 10/07/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	Raymondienne, Phu My Hung Urban Area, Tan My, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mother
9	Lương Ngọc Hân			- CCCD số: 066195009693 - Ngày cấp: 04/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	102 đường Tạ Quang Bửu, phường Chánh Hưng, HCM.	-	0,00%	Em Gái
9	Lương Ngọc Hân			- Citizen ID No.: 066195009693 - Date of Issue: 04/09/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	102 Tạ Quang Bửu Street, Chanh Hung Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Younger Sister
10	Nguyễn Thành Tân			- CCCD số: 086095002934 - Ngày cấp: 12/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	102 đường Tạ Quang Bửu, phường Chánh Hưng, HCM	-	0,00%	Em Rẻ
10	Nguyễn Thanh Tân			- Citizen ID No.: 086095002934 - Date of Issue: 12/09/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	102 Tạ Quang Bửu Street, Chanh Hung Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Brother-in-law
11	Đỗ Thái Ninh			- CCCD số: 066091014042 - Ngày cấp: 30/05/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	412 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	-	0,00%	Em Vợ
11	Do Thái Ninh			- Citizen ID No.: 066091014042 - Date of Issue: 30/05/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	412 Nguyễn Văn Cừ, Tân Lập Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province	-	0,00%	Sister-in-law
IV	Đoàn Thụy Diễm		Trưởng BKS	- CCCD số: 074180008782 - Ngày cấp: 19/08/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C234/22, Tổ 22, khu 3 Chánh Nghĩa, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	3.178.492	4,420%	
IV	Doan Thụy Diem Huyền		Head of the Supervisory Board	- Citizen ID No.: 074180008782 - Date of Issue: 19/08/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	C234/22, Group 22, Zone 3 Chanh Nghia, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	3.178.492	4,420%	

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I			- GCNĐKDN số: 3700501180 - Ngày cấp: 15/04/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700501180 - Date of Issue: 15/04/2003 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	158 Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh 158 Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	21.115.812	29,33%	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư U&I Ms. Doan Thuy Diem Huyen is the Chief Accountant of U&I Investment Corporation
2	Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I			- GCNĐKDN số: 3700479009 - Ngày cấp: 03/01/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3700479009 - Date of Issue: 03/01/2003 - Place of issuance: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Department of Finance of Ho Chi Minh City)	Tòa nhà U&I, số 158, Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh U&I Building, No. 158, Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là TV HĐQT Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I Ms. Doan Thuy Diem Huyen is a Member of the Members' Council of U&I Crafts Co., Ltd
3	Công ty CP Nông nghiệp U&I			- GCNĐKDN số: 3701528386 - Ngày cấp: 12/06/2009 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3701528386 - Date of issuance: 12/06/2009 - Place of issuance: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Department of Finance of Ho Chi Minh City)	Tòa nhà U&I, số 158, Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh U&I Building, No. 158, Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là TV HĐQT Công ty CP Nông nghiệp U&I Ms. Doan Thuy Diem Huyen is a Member of the Board of Directors of U&I Agriculture Corporation
4	Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành			- GCNĐKDN số: 3700530696 - Ngày cấp: 18/08/2003 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Đường ĐT 747, Khu Phố 7, Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là TV HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
4	Trương Thanh Furniture Corporation			- Business Registration Certificate No.: 3700530696 - Date of issuance: 18/08/2003 - Place of issuance: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Department of Finance of Ho Chi Minh City) - CCCD số: 074078002517 - Ngày cấp: 22/02/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074078002517 - Date of issuance: 22/02/2021 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	DT 747 Road, Quarter 7, Tan Uyen Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Ms. Doan Thuy Diem Huyen is an Independent Member of the Board of Directors and Chairperson of the Audit Committee
5	Liêu Anh Hoàng			- CCCD số: 074078002517 - Ngày cấp: 22/02/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074078002517 - Date of issuance: 22/02/2021 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	Hòa Lân, phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Chồng
5	Lieu Anh Hoang			- CCCD số: 074154006764 - Ngày cấp: 07/07/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074154006764 - Date of issuance: 07/07/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	Hoa Lan, Thuan An Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Husband
6	Dương Thị Hôn			- CCCD số: 074154006764 - Ngày cấp: 07/07/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074154006764 - Date of issuance: 07/07/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	A34a, Khu 3 Hiệp Thành, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	-	0,00%	Mẹ
6	Duong Thi Hon			- CCCD số: 074154006764 - Ngày cấp: 07/07/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074154006764 - Date of issuance: 07/07/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	A34a, Zone 3 Hiep Thanh, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mother
7	Đoàn Tấn Quân			- CCCD số: 074077003159 - Ngày cấp: 25/10/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074077003159 - Date of issuance: 25/10/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	Tổ 22, khu 1, Phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Anh Trai
7	Doan Tan Quan			- CCCD số: 074077003159 - Ngày cấp: 25/10/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074077003159 - Date of issuance: 25/10/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	Group 22, Zone 1, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Brother
8	Lê Thị Hoa			- CCCD số: 074178003650 - Ngày cấp: 30/11/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074178003650 - Date of issuance: 30/11/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	A34a, Khu 3 Hiệp Thành, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	-	0,00%	Chị dâu
8	Le Thi Hoa			- CCCD số: 074178003650 - Ngày cấp: 30/11/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074178003650 - Date of issuance: 30/11/2022 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	A34a, Zone 3 Hiep Thanh, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
No.	Full Name	Securities Trading Account (if any)	Position at the company (if any)	ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Address	Number of Shares Owned at End of Period	Shareholding Ratio at End of Period	Notes
9	Liêu Anh			- CCCD số: 074046001903 - Ngày cấp: 09/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074046001903 - Date of issuance: 09/08/2021 - Place of issuance: Department of Administrative Management on Social Order	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ba Chồng
9	Lieu Anh			- CCCD số: 074178003650 - Ngày cấp: 06/02/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074178003650 - Date of Issue: 06/02/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	C234/22, Group 22, Zone 3, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Father-in-law
10	Vương Kim Niêng			- CCCD số: 074178003650 - Ngày cấp: 06/02/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074178003650 - Date of Issue: 06/02/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Má Chồng
10	Vuong Kim Nieng			- CCCD số: 074178003650 - Ngày cấp: 06/02/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074178003650 - Date of Issue: 06/02/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	C234/22, Group 22, Area 3, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mother-in-law
11	Liêu Huyền Mai			- Số định danh: 074313001951 - Ngày cấp: 2022 - Nơi cấp: Công an Phường Thủ Dầu Một - Identification No.: 074313001951 - Date of Issue: 2022 - Place of Issue: Thu Dau Mot Ward Police	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con
11	Lieu Huyen Mai			- Số định danh: 074313001951 - Ngày cấp: 2022 - Nơi cấp: Công an Phường Thủ Dầu Một - Identification No.: 074313001951 - Date of Issue: 2022 - Place of Issue: Thu Dau Mot Ward Police	C234/22, Group 22, Area 3, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Child
12	Liêu Hoàng Phát			- Số định danh: 074218008433 - Ngày cấp: 2022 - Nơi cấp: Công an Phường Thủ Dầu Một - Identification No.: 074218008433 - Date of Issue: 2022 - Place of Issue: Thu Dau Mot Ward Police	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con
12	Lieu Hoang Phat			- Số định danh: 074218008433 - Ngày cấp: 2022 - Nơi cấp: Công an Phường Thủ Dầu Một - Identification No.: 074218008433 - Date of Issue: 2022 - Place of Issue: Thu Dau Mot Ward Police	C234/22, Group 22, Area 3, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Child
V	Nguyễn Thị Kim Linh		Thành viên BKS	- CCCD số: 074184006982 - Ngày cấp: 15/09/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074184006982 - Date of Issue: 15/09/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 20/19, ĐX09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	6.903	0,010%	
V	Nguyen Thi Kim Linh		Member of the Supervisory Board	- CCCD số: 074184006982 - Ngày cấp: 15/09/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074184006982 - Date of Issue: 15/09/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	No. 20/19, DX09, Group 43, Phu My 8 Area, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	6.903	0,010%	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
No.	Full Name	Securities Trading Account (if any)	Position at the company (if any)	ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Address	Number of Shares Owned at End of Period	Shareholding Ratio at End of Period	Notes
1	Phan Thị Cẩm			- CCCD số: 074152003983 - Ngày cấp: 12/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074152003983 - Date of Issue: 12/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số nhà 20/19, ĐX 09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Mẹ ruột
1	Phan Thị Cẩm			- CCCD số: 074170000980 - Ngày cấp: 02/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074170000980 - Date of Issue: 02/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	House No. 20/19, DX 09, Group 43, Phu My 8 Area, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mother
2	Nguyễn Thị Kim			- CCCD số: 074170000980 - Ngày cấp: 02/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074170000980 - Date of Issue: 02/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số nhà 20/23, ĐX 09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Chị ruột
2	Nguyễn Thị Kim			- CCCD số: 074170000980 - Ngày cấp: 02/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074170000980 - Date of Issue: 02/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	House No. 20/23, DX 09, Group 43, Phu My 8 Area, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister
3	Nguyễn Thị Kim Phụng			- CCCD số: 074173007598 - Ngày cấp: 08/06/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074173007598 - Date of Issue: 08/06/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 2, ĐX15, tổ 43, khu phố Phú Mỹ 7, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.	-	0,00%	Chị ruột
3	Nguyễn Thị Kim Phụng			- CCCD số: 074173007598 - Ngày cấp: 08/06/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074173007598 - Date of Issue: 08/06/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	No. 2, DX15, Group 43, Phu My 7 Area, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister
4	Nguyễn Thị Kim Thanh			- CCCD số: 074175007702 - Ngày cấp: 10/05/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074175007702 - Date of Issue: 10/05/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số nhà 20/23, ĐX 09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Chị ruột
4	Nguyễn Thị Kim Thanh			- CCCD số: 074175007702 - Ngày cấp: 10/05/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074175007702 - Date of Issue: 10/05/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	House No. 20/23, DX 09, Group 43, Phu My 8 Area, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister
5	Nguyễn Thị Kim Hà			- CCCD số: 074177003534 - Ngày cấp: 18/07/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074177003534 - Date of Issue: 18/07/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Rue de Crissier 12, 1020 Renens Suisse	-	0,00%	Chị ruột
5	Nguyễn Thị Kim Hà			- CCCD số: 074177003534 - Ngày cấp: 18/07/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen ID No.: 074177003534 - Date of Issue: 18/07/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Rue de Crissier 12, 1020 Renens, Switzerland	-	0,00%	Sister

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
6	Trần Thúc Nghĩa			- Hộ chiếu số: X8584119 - Ngày cấp: 22/11/2021 - Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Passport No.: X8584119 - Date of Issue: 22/11/2021 - Place of Issue: Immigration Department	Rue de Crissier 12, 1020 Renens Suisse Rue de Crissier 12, 1020 Renens, Switzerland	- -	0,00% 0,00%	Anh rể Brother-in-law
7	Nguyễn Thị Kim Chi			- CCCD số: 07419008170 - Ngày cấp: 12/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 07419008170 - Date of Issue: 12/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số nhà 20/19, ĐX 09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh House No. 20/19, DX 09, Group 43, Phu My 8 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Chị ruột Elder Sister
8	Nguyễn Phương Lâm			- CCCD số: 074181006390 - Ngày cấp: 12/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074181006390 - Date of Issue: 12/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số nhà 20/19, ĐX 09, Tổ 43, Khu phố Phú Mỹ 8, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh House No. 20/19, DX 09, Group 43, Phu My 8 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Anh ruột Elder Brother
9	Trần Quốc Tiến			- CCCD số: 074083001106 - Ngày cấp: 09/05/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074083001106 - Date of Issue: 09/05/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Khu phố Phú Thứ, Phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh Phu Thu Quarter, Phu An Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Chồng Husband
10	Trần Bảo Tiên			- Sổ định danh: 074315002744 - Ngày cấp: 27/9/2022 - Nơi cấp: Công an Phường Phú Mỹ - Identification No.: 074315002744 - Date of Issue: 27/9/2022 - Place of Issue: Phu My Ward Police	Khu phố Phú Thứ, Phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh Phu Thu Quarter, Phu An Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Con ruột Child
11	Trần Minh Sáng			- CCCD số: 074040001939 - Ngày cấp: 16/09/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Khu phố Phú Thứ, Phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Ba chồng

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
11	Tran Minh Sang			- ID Card No.: 074040001939 - Date of Issue: 16/09/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Phu Thu Quarter, Phu An Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Father-in-law
12	Phạm Thị Đề			- CCCD số: 074144003186 - Ngày cấp: 08/09/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074144003186 - Date of Issue: 08/09/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Khu phố Phú Thứ, Phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh Phu Thu Quarter, Phu An Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mẹ chồng Mother-in-law
13	Trần Minh Trong			- CCCD số: 074068002126 - Ngày cấp: 24/03/2023 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074068002126 - Date of Issue: 24/03/2023 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Số 203, Khu phố Minh Long 6, Phường Minh Hung, Tỉnh Đồng Nai No. 203, Minh Long 6 Quarter, Minh Hung Ward, Dong Nai Province	-	0,00%	Anh chồng Brother-in-law
14	Trần Thị Mỹ Lệ			- CCCD số: 074171000029 - Ngày cấp: 25/09/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074171000029 - Date of Issue: 25/09/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	C4/15 Chung cư 189C, đường Cống Quỳnh, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh C4/15 Apartment 189C, Cong Quynh Street, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Chi chồng Sister-in-law
15	Trần Quốc Thắng			- CCCD số: 074076001474 - Ngày cấp: 13/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074076001474 - Date of Issue: 13/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	9B3 Chung Cư Bicons, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh 9B3 Bicons Apartment, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Anh chồng Brother-in-law
16	Trần Thị Thủy Yến			- CCCD số: 074179008194 - Ngày cấp: 07/10/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	132/2A, Chung cư 132 Ông Ích Khiêm, Khu phố 14, Phường Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Chị chồng

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
16	Tran Thi Thuy Yen			- ID Card No.: 074179008194 - Date of Issue: 07/10/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	132/24, Apartment 132 Ong Ich Khiem, Quarter 14, Hoa Binh Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law
VI	Trương Phúc Khải		Thành viên BKS	- CCCD số: 075078010273 - Ngày cấp: 08/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 075078010273	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhơn, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	8.120	0,011%	
VI	Trương Phúc Khải		Member of the Supervisory Board	- Date of Issue: 08/09/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	354, Group 2, National Highway 1, Hung Nhon Hamlet, Dau Giay Commune, Dong Nai Province	8.120	0,011%	
1	Hà Thị Vui			- CCCD số: 035184012382 - Ngày cấp: 10/05/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 035184012382	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Vợ
I	Hà Thị Vui			- Date of Issue: 10/05/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	5/11, Group 17, Phu My 4 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Wife
2	Trương Chí Bình			- CCCD số: 035307005888 - Ngày cấp: 05/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 035307005888	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con ruột
2	Trương Chí Bình			- Date of Issue: 05/09/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	5/11, Group 17, Phu My 4 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Child
3	Trương Ngọc Anh			- Số định danh: 074314007745 - Ngày cấp: 05/10/2022 - Nơi cấp: Công an Phường Phú Mỹ - Identification No.: 074314007745	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con ruột
3	Trương Ngọc Anh			- Date of Issue: 05/10/2022 - Place of Issue: Phu My Ward Police Order	5/11, Group 17, Phu My 4 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Child
4	Trương Tấn Phát			- Số định danh: 074216002664 - Ngày cấp: 05/10/2022 - Nơi cấp: Công an Phường Phú Mỹ - Identification No.: 074216002664	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con ruột
4	Trương Tấn Phát			- Date of Issue: 05/10/2022 - Place of Issue: Phu My Ward Police Order	5/11, Group 17, Phu My 4 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Child

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
No.	Full Name	Securities Trading Account (if any)	Position at the company (if any)	ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Address	Number of Shares Owned at End of Period	Shareholding Ratio at End of Period	Notes
5	Hồ Thị Đậu			- CCCD số: 075134002202 - Ngày cấp: 09/10/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 075134002202 - Date of Issue: 09/10/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhôm, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	-	0,00%	Me ruột
5	Hồ Thị Đậu			- CCCD số: 035159001957 - Ngày cấp: 30/01/2019 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 035159001957 - Date of Issue: 30/01/2019 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	354, Group 2, National Highway 1, Hung Nhon Hamlet, Dau Giay Commune, Dong Nai Province	-	0,00%	Mother
6	Trần Thị Mùi			- CCCD số: 075059006911 - Ngày cấp: 31/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 075059006911 - Date of Issue: 31/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	-	0,00%	Mẹ vợ
6	Trần Thị Mùi			- CCCD số: 075059006911 - Ngày cấp: 31/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 075059006911 - Date of Issue: 31/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	Liem Ha Commune, Ninh Binh Province, Vietnam	-	0,00%	Mother-in-law
7	Trương Thanh Tuấn			- CCCD số: 075059006911 - Ngày cấp: 31/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 075059006911 - Date of Issue: 31/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhôm, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	-	0,00%	Anh ruột
7	Trương Thanh Tuấn			- CCCD số: 075059006911 - Ngày cấp: 31/08/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 075059006911 - Date of Issue: 31/08/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	354, Group 2, National Highway 1, Hung Nhon Hamlet, Dau Giay Commune, Dong Nai Province	-	0,00%	Brother
VII	Đoàn Kim Phúc		Kế toán trưởng	- CCCD số: 074182009282 - Ngày cấp: 25/01/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074182009282 - Date of Issue: 25/01/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	329.905	0.458%	
VII	Đoàn Kim Phúc		Chief Accountant	- CCCD số: 074182009282 - Ngày cấp: 25/01/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074182009282 - Date of Issue: 25/01/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Area 03, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	329.905	0.458%	
1	Công ty Cổ phần Vận tải U&I			- GCNĐKDN số: 3700970866 - Ngày cấp: 21/08/2008 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	158 Ngõ Gia Tư, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Bà Đoàn Kim Phúc là Trưởng Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
No.	Full Name	Securities Trading Account (if any)	Position at the company (if any)	ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Address	Number of Shares Owned at End of Period	Shareholding Ratio at End of Period	Notes
1	U&I Corporation			- Business Registration Certificate No.: 3700970866 - Date of Issue: 21/08/2008 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Ms. Doan Kim Phuc is the Head of the Supervisory Board
2	Cáp Đức Nam			- CCCD số: 074081008105 - Ngày cấp: 24/02/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074081008105 - Date of Issue: 24/02/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh 420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Area 03, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Chồng Husband
3	Cáp Minh Quân			- Số định danh: 074210005395 - Ngày cấp: 16/06/2022 - Nơi cấp: Công an Phường Phú Lợi - ID Card No.: 074210005395 - Date of Issue: 16/06/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh 420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Area 03, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Con trai Son
4	Cáp Minh Quang			- Số định danh: 074216006063 - Ngày cấp: 16/06/2022 - Nơi cấp: Công an Phường Phú Lợi - ID Card No.: 074216006063 - Date of Issue: 16/06/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh 420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Area 03, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	- -	0,00% 0,00%	Con trai Son
5	Cáp Đức Loan			- CCCD số: 038046005857 - Ngày cấp: 10/05/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Bố chồng

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
5	Cap Duc Loan			- ID Card No.: 038046005857 - Date of Issue: 10/05/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Area 03, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Father-in-law
6	Nguyễn Thị Tâm			- CCCD số: 074152006224 - Ngày cấp: 25/01/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Mẹ chồng
6	Nguyễn Thị Tâm			- ID Card No.: 074152006224 - Date of Issue: 25/01/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	420/24 Binh Duong Boulevard, Group 13, Area 03, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mother-in-law
7	Đoàn Văn Chở			- CCCD số: 079055013615 - Ngày cấp: 28/06/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Bố ruột
7	Doan Van Cho			- ID Card No.: 079055013615 - Date of Issue: 28/06/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	27/9 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Father
8	Phạm Thị Ánh			- CCCD số: 074155000464 - Ngày cấp: 10/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Mẹ ruột
8	Pham Thi Anh			- ID Card No.: 074155000464 - Date of Issue: 10/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	27/9 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Mother
9	Đoàn Thanh Phương			- CCCD số: 074078000521 - Ngày cấp: 10/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	98/26/16 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Anh trai
9	Doan Thanh Phuong			- ID Card No.: 074078000521 - Date of Issue: 10/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	98/26/16 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Brother

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
10	Đoàn Thanh Phú			- CCCD số: 074085000290 - Ngày cấp: 25/03/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074085000290 - Date of Issue: 25/03/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em trai
10	Doan Thanh Phu				27/9 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Younger Brother
11	Đoàn Phú			- CCCD số: 074093000424 - Ngày cấp: 10/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074093000424 - Date of Issue: 10/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em trai
11	Doan Phu				27/9 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Younger Brother
12	Trần Vũ Phong Châu			- CCCD số: 074179000399 - Ngày cấp: 25/03/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074179000399 - Date of Issue: 25/03/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	98/26/16 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Chị dâu
12	Tran Vu Phong Chau				98/26/16 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law
13	Nguyễn Thị Mỹ Linh			- CCCD số: 074188000633 - Ngày cấp: 10/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074188000633 - Date of Issue: 10/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em dâu
13	Nguyen Thi My Linh				27/9 Chanh Loc 5 Residential Area, Chanh Hiep Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law
VIII	Cao Thu Yến		Người phụ trách quản trị Công ty	- CCCD số: 074177005925 - Ngày cấp: 12/09/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 07 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, P.Thủ Dầu Một, Thành Phố Hồ Chí Minh	656.967	0,912%	

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
VIII	Cao Thu Yến		Person in Charge of Corporate Governance	- ID Card No.: 074177005925 - Date of Issue: 12/09/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management on Social Order	No. 07, 13A Street, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Residential Area, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	656.967	0,912%	
1	Công ty Cổ phần Kho hàng hóa U&I			- GCNĐKDN số: 3702292817 - Ngày cấp: 12/08/2014 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 3702292817 - Date of Issue: 12/08/2014 - Place of Issue: Department of Planning and Investment of Binh Duong Province (now Ho Chi Minh City Department of Finance)	158 Ngõ Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chi Minh	-	0,00%	Bà Cao Thu Yến là Trưởng ban kiểm soát
1	U&I Warehousing Corporation				158 Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Ms. Cao Thu Yen is the Head of the Supervisory Board
2	Công ty CP Logistics U&I-miền Bắc			- GCNĐKDN số: 108156122 - Ngày cấp: 01/02/2018 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) TP. Hà Nội - Business Registration Certificate No.: 108156122 - Date of Issuance: 01/02/2018 - Place of Issuance: Department of Planning and Investment (now Department of Finance) Hanoi City	Phòng 1451M, tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	-	0,00%	Bà Cao Thu Yến là Thành viên HĐQT
2	U&I Logistics Northern Joint Stock Company				Room 1451M, Hapro Building, 11B Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi	-	0,00%	Ms. Cao Thu Yen is a Member of the Board of Directors
3	Công ty Cổ Phần Kho Vận và Dịch Vụ Hàng Hóa Cao Su			- GCNĐKDN số: 301466436 - Ngày cấp: 26/07/2004 - Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Tp.HCM) - Business Registration Certificate No.: 301466436 - Date of Issuance: 26/07/2004 - Place of Issuance: Department of Planning and Investment Ho Chi Minh City (now Department of Finance Ho Chi Minh City)	45 Đường số 11, Khu phố 4, phường Linh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Bà Cao Thu Yến là Trưởng Ban Kiểm soát
3	Rubber - Goods Service and Transport - Warehouse Joint Stock Company				45 Street No. 11, Quarter 4, Linh Xuan Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Ms. Cao Thu Yen is the Head of the Supervisory Board

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
4	Cao Văn Huệ			- CCCD số: 074051004216 - Ngày cấp: 22/06/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identification No.: 074051004216 - Date of Issuance: 22/06/2022 - Place of Issuance: Administrative Management of Social Order Department	09 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh 09 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City.	-	0,00%	Bố đẻ Father
5	Nguyễn Thu Cúc			- CCCD số: 074158006811 - Ngày cấp: 22/06/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identification No.: 074158006811 - Date of Issuance: 22/06/2022 - Place of Issuance: Administrative Management of Social Order Department	09 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh 09 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City.	-	0,00%	Mẹ đẻ Mother
6	Hà Văn Thuận			- CCCD số: 079070037356 - Ngày cấp: 10/07/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identification No.: 079070037356 - Date of Issuance: 10/07/2021 - Place of Issuance: Administrative Management of Social Order Department	101A, Bình Thới, Khu Phố 17, Phường Phú Thọ, Tp. Hồ Chí Minh 101A, Binh Thoi, Quarter 17, Phu Tho Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Chồng Husband
7	Hà Thanh Phương			- CCCD số: 074305008801 - Ngày cấp: 23/03/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identification No.: 074305008801 - Date of Issuance: 23/03/2022 - Place of Issuance: Administrative Management of Social Order Department	07 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh 07 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City.	-	0,00%	Con Child
8	Hà Gia Phát			- CCCD số: 074207008259 - Ngày cấp: 13/01/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	07 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Con

STT No.	Họ tên Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at End of Period	Ghi chú Notes
8	<i>Ha Gia Phat</i>			- Citizen Identification No.: 074207008259 - Date of Issuance: 13/01/2022 - Place of Issuance: Administrative Management of Social Order Department	07 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Child
9	Cao Thu Anh			- CCCD số: 074180003654 - Ngày cấp: 28/12/2000 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Citizen Identification No.: 074180003654 - Date of Issue: 28/12/2000 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	690/19 Lê Hồng Phong, Khu phố 04, Phường Vườn Lài, Tp. Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em ruột
9	<i>Cao Thu Anh</i>				690/19 Le Hong Phong, Quarter 04, Vuon Lai Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sibling
10	Cao Trung Tin			- CCCD số: 074084006466 - Ngày cấp: 17/04/2024 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074084006466 - Date of Issue: 17/04/2024 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	09 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Thành Phố Hồ Chí Minh	12.340	0,017%	Em ruột
10	<i>Cao Trung Tin</i>				09 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	12.340	0,017%	Sibling
11	Cao Trung Kiên			- CCCD số: 074086006588 - Ngày cấp: 12/01/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074086006588 - Date of Issue: 12/01/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	09 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Thành Phố Hồ Chí Minh	12.340	0,017%	Em ruột
11	<i>Cao Trung Kiên</i>				09 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	12.340	0,017%	Sibling
12	Nguyễn Ngọc Sanh			- CCCD số: 079079023127 - Ngày cấp: 22/07/2022 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 079079023127 - Date of Issue: 22/07/2022 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	690/19 Lê Hồng Phong, Khu phố 04, Phường Vườn Lài, TP HCM	-	0,00%	Em rể
12	<i>Nguyễn Ngọc Sanh</i>				690/19 Le Hong Phong, Quarter 04, Vuon Lai Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Brother-in-law

STT	Họ tên <i>Full Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID/Passport Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at End of Period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at End of Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
13	Trần Ngọc Mỹ			- CCCD số: 074194001567 - Ngày cấp: 22/04/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - ID Card No.: 074194001567 - Date of Issue: 22/04/2021 - Place of Issue: Department of Administrative Management of Social Order	09 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Thành Phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	Em dâu
13	Trần Ngọc Mỹ				09 Street 13A, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	-	0,00%	Sister-in-law